

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày: 21 -9- 2022

V/v: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông Thanh
- ***Các hội thẩm nhân dân:*** Ông Hà Đồng Tịnh và ông Nguyễn Văn Đích.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lã Phú Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2022/QĐST- DS ngày 05/9/2022; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Công ty Tài chính T**; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ree Tower, số 9 Đoàn Văn B, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Hoàng Y – Chức vụ: Trưởng Phòng tổ tụng VPB SMBC FC theo Văn bản ủy quyền số: 41-42/UQ-XLTD.22 ngày 18/3/2022 của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Ngày 04/6/2022, bà Lương Hoàng Y ủy quyền lại cho Công ty Luật TNHH L. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Ngô H – Chức vụ: Giám đốc theo Văn bản ủy quyền số 55/UQ/XLTD.22. Ông Dương Ngô

H ủy quyền lại cho ông Lê Văn M, sinh năm 1972; địa chỉ: K404/14 Hùng V, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Văn bản ủy quyền số 55/2022/UQ-LGL ngày 04/6/2022. *Vắng mặt có lý do.*

- Bị đơn: **Phan Văn Q**, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 109 Phó Đức C, tổ 172, phường A, quận S, TP.Đà Nẵng. *Vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 22/6/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:*

Ngày 24/12/2019, ông Phan Văn Q có ký kết hợp đồng tín dụng số: 20191226-3912831 với Công ty Tài chính T vay số tiền 21.100.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Q có trách nhiệm thanh toán số tiền 33.192.480 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 18 tháng; 17 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.805.025 đồng, tháng cuối cùng 2.507.055 đồng. Bắt đầu từ ngày 03/02/2020.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty 02 lần với tổng số tiền 3.634.050 đồng, kể từ ngày 03/3/2020 đến nay ông Q không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn Q thanh lý hợp đồng trả một lần cho Công ty toàn bộ số tiền nợ là: 29.558.430 đồng Trong đó: Nợ gốc: 19.884.064 đồng; nợ lãi: 9.674.376 đồng. Nợ lãi tính đến ngày 03/7/2021.

* Tại phiên toà, bị đơn ông Phan Văn Q vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện xác nhận hiện nay còn nợ Công ty Tài chính T số tiền: 29.558.430 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 19.884.064 đồng; nợ lãi: 9.674.376 đồng. Nợ lãi tính đến ngày 03/7/2021. Nay Công ty khởi kiện tôi xin được miễn lãi và trả gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng hoặc 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Công ty Tài chính T và ông Phan Văn Q là *tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Ông Phan Văn Q (*là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố*) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại hợp đồng tín dụng số 20191226-3912831 ngày 24/12/2019 thể hiện ông Phan Văn Q có vay của Công ty tài chính T số tiền 21.100.000 đồng, với lãi suất thoả thuận 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thoả thuận trong hợp đồng, ông Q có trách nhiệm thanh toán số tiền 33.192.480 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 18 tháng; 17 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.805.025 đồng, tháng cuối cùng 2.507.055 đồng. Bắt đầu từ ngày 03/02/2020.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty 02 lần với tổng số tiền 3.634.050 đồng, kể từ ngày 03/3/2020 đến nay ông Q không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn Q thanh lý hợp đồng trả một lần cho Công ty toàn bộ số tiền nợ là: 29.558.430 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 19.884.064 đồng; nợ lãi: 9.674.376 đồng. Nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn 03/7/2021.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 24/12/2019 được ký kết giữa Công ty tài chính T với ông Phan Văn Q trên cơ

sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Công ty liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không trả được nợ. Ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 24/12/2019. Việc khởi kiện của Công ty tài chính T yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn Q phải trả số tiền: 29.558.430 đồng Trong đó: Nợ gốc: 19.884.064 đồng; nợ lãi: 9.674.376 đồng. Nợ lãi tạm tính đến ngày hợp đồng hết hạn 03/7/2021 là phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Án lệ số 08/2016/AL nên cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Công ty tài chính T được chấp nhận nên bị đơn ông Phan Văn Q phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Cụ thể số tiền ông Phan Văn Q phải chịu là 1.478.000 đồng.

Hoàn trả cho Công ty tài chính T số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” của Công ty tài chính T đối với ông Phan Văn Q.

1. Buộc ông Phan Văn Q phải trả cho Công ty tài chính T số tiền: 29.558.430 đồng Trong đó: Nợ gốc: 19.884.064 đồng; nợ lãi: 9.674.376 đồng. Nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn 03/7/2021 do các bên đã thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 24/12/2019.

2. Kể từ ngày Công ty tài chính T yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Phan Văn Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí DS- ST: 1.478.000 đồng ông Phan Văn Q phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty tài chính T số tiền 738.960 đồng (*Bảy trăm ba mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 6322 ngày 25/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đông Thanh

